

Số: /KH-ĐTNDTT

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH Triển khai thực hiện quan trắc môi trường định kỳ năm 2026

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường;

Căn cứ Giấy phép môi trường số 34/GPMT-UBND ngày 31/12/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 2112/QĐ-SYT ngày 22/12/2025 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước cho các đơn vị trực thuộc Sở Y tế năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 06/KH-ĐTNDTT ngày 06/01/2026 của Trung tâm Điều trị và Nuôi dưỡng người bệnh tâm thần Kon Tum về Quản lý chất thải y tế năm 2026;

Trên cơ sở Báo giá ngày 25/5/2026 của Trung tâm Trắc địa và Quan trắc môi trường tỉnh Quảng Ngãi;

Trung tâm Điều trị và Nuôi dưỡng người bệnh tâm thần Kon Tum xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện quan trắc môi trường định kỳ năm 2026, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH

Nhằm theo dõi, đánh giá chất lượng môi trường tại đơn vị; kiểm soát các nguồn phát sinh ô nhiễm trong quá trình hoạt động của Trung tâm; kịp thời phát hiện các yếu tố tác động đến môi trường để đề ra biện pháp quản lý, giảm thiểu ô nhiễm và xử lý phù hợp theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

- Thực hiện khảo sát, lấy mẫu, quan trắc và phân tích các thông số môi trường theo nội dung quy định tại Giấy phép môi trường số 34/GPMT-UBND

ngày 31/12/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum.

- Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường định kỳ năm 2026 của Trung tâm Điều trị và Nuôi dưỡng người bệnh tâm thần Kon Tum theo quy định.

- Tần suất, vị trí và thông số quan trắc: Thực hiện theo nội dung, vị trí, thông số và tần suất giám sát môi trường được quy định tại Giấy phép môi trường số 34/GPMT-UBND ngày 31/12/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum.

- Địa điểm thực hiện: Tại Trung tâm Điều trị và Nuôi dưỡng người bệnh tâm thần Kon Tum, địa chỉ: 138 Bắc Kạn, phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí: Từ nguồn chi thường xuyên năm 2026 của đơn vị.

2. Kinh phí dự kiến: 36.998.709 đồng (Bằng chữ: *Ba mươi sáu triệu, chín trăm chín mươi tám nghìn, bảy trăm lẻ chín đồng*)¹. (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Tổ chức - Hành chính - Kế hoạch – Tài chính

- Giám sát việc khảo sát, lấy mẫu, phân tích môi trường và lập báo cáo kết quả quan trắc của đơn vị thực hiện.

- Quản lý, sử dụng nguồn kinh phí và thực hiện thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

- Lưu trữ hồ sơ, báo cáo kết quả quan trắc môi trường theo quy định.

2. Các khoa, phòng chuyên môn

Phối hợp với Phòng Tổ chức - Hành chính - Kế hoạch - Tài chính và các đơn vị liên quan trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện quan trắc môi trường định kỳ năm 2026 của Trung tâm Điều trị và Nuôi dưỡng người bệnh tâm thần Kon Tum./.

Nơi nhận:

- GD, các PGD Trung tâm;
- Các khoa, phòng thuộc Trung tâm;
- Lưu: VT, TCHCKHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đặng Công Lân

¹ Theo Báo giá ngày 25/5/2026 của Trung tâm Trắc địa và Quan trắc môi trường tỉnh Quảng Ngãi.

PHỤ LỤC

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-ĐTNDTT ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Trung tâm Điều trị và Nuôi dưỡng người bệnh tâm thần Kon Tum)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tần suất	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
I	Chi phí quan trắc môi trường nước thải					
1	pH	Chỉ tiêu	2	2	98.447	393.788
2	TSS	Chỉ tiêu	2	2	288.727	1.154.908
3	BOD ₅	Chỉ tiêu	2	2	324.605	1.298.420
4	COD	Chỉ tiêu	2	2	386.806	1.547.224
5	PO ₄ ³⁻	Chỉ tiêu	2	2	505.888	2.023.552
6	NO ₃ ⁻	Chỉ tiêu	2	2	583.683	2.334.732
7	NH ₄ ⁺	Chỉ tiêu	2	2	375.075	1.500.300
8	S ₂ ⁻	Chỉ tiêu	2	2	390.979	1.563.916
9	Dầu mỡ động thực vật	Chỉ tiêu	2	2	919.790	3.679.160
10	Tổng Coliform	Chỉ tiêu	2	2	903.879	3.615.516
11	Samonella	Chỉ tiêu	2	2	903.879	3.615.516
12	Shigella	Chỉ tiêu	2	2	903.879	3.615.516
13	Vibrio cholerae	Chỉ tiêu	2	2	903.879	3.615.516
II	Lập báo cáo công tác BVMT	Báo cáo	1	1	3.000.000	3.000.000
III	Chi phí vận chuyển phục vụ lấy mẫu	Lượt	1	2	400.000	800.000
IV	Văn phòng phẩm				500.000	500.000
V	CỘNG (I+II+III+IV)					34.258.064
VI	Thuế VAT: 8%*V					2.740.645
TỔNG CỘNG (V+VI)						36.998.709

(Bằng chữ: Ba mươi sáu triệu chín trăm chín mươi tám nghìn bảy trăm lẻ chín đồng)